

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2020

*"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: số nhà 89-91, tổ 08, pH Ng, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tạ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trí T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 tại UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, tH xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần vợ chồng đã tìm cách giải quyết, hàn gắn nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ ngày 29/04/2020 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tạ Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trí T. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Trí T trình bày: Anh và chị Tạ Thị H đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 tại UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên, với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh không nhất trí ly hôn vì thấy rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh T có nguyện vọng giao 02 con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi và anh T nhất trí cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ trên 01 tháng, trên 01 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/7/2020, Tòa án tiến hành hỏi ý kiến của cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 là con chung của chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T, cháu A có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì muốn được ở với mẹ vì mẹ cháu quan tâm đến cháu nhiều hơn.

Ngày 09/7/2020 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T đã thống nhất được: chị Tạ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con với mức 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đối với mỗi con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi tuy nhiên không thỏa thuận về phương thức cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định; Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, các đương sự không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; Về

quan hệ hôn nhân, chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T, anh T không nhất trí ly hôn, đề nghị giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Tại các biên bản xác minh ngày 18/8/2020 và ngày 19/8/2020 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với tổ trưởng tổ dân phố 03, thị trấn Việt Quang và công chức tư pháp thị trấn Việt Quang phản ánh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T như sau:

Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào ngày 27/12/2009 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà A và cháu Nguyễn Trí Đ. Anh chị và 02 con chung có hộ khẩu thường trú tại tổ 03, thị trấn V, tuy nhiên anh T đi làm ở xa, chị H và 02 con sinh sống tại tổ 03, thị trấn V. Anh T và chị H đều là lao động tự do. Về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con thì chính quyền địa phương không nắm được vì chị H và anh T không đề nghị hòa giải tại cơ sở.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện một phần nghĩa vụ theo quy định pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trí T. Việc nuôi con: giao cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về án phí: nguyên đơn là chị Tạ Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định, bị đơn anh Nguyễn Trí T chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Tạ Thị H có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Nguyễn Trí T, anh Nguyễn Trí T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, thị trấn V, huyện B, chỗ ở hiện nay Số nhà 89-91, tổ 8, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hà Giang, tuy nhiên ngày 15/6/2020 chị H và anh T đã thỏa thuận bằng văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn; theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Tạ Thị H có mặt tại phiên tòa. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Trí T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trí T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết chị H và anh T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, bản thân chị H không còn tình cảm với anh T và nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Anh T không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Tạ Thị H có yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Trí T. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trí T.

[4] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017. Chị Tạ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con cho đến khi các con đủ 18, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức: 1.500.000đ/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhất trí giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu. Mặt khác, cháu Nguyễn Hà A (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Nguyễn Trí Đ còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, anh T đi làm ở xa, các cháu do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức: 1.500.000đ/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng: định kỳ hàng tháng; Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con là chị: Tạ Thị H.

[5] *Về chia tài sản chung*: chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trí T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: nguyên đơn chị Tạ Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định, bị đơn anh Nguyễn Trí T chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trí T.

2. Về việc nuôi con: Xử giao các cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/8/2010 và cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hà A với mức 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trí Đ với mức 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: định kỳ hàng tháng; Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi các con là chị Tạ Thị H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị H, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0001118 ngày 18 tháng 6

năm 2020. Anh Nguyễn Trí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND thị trấn Việt Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND thị trấn Việt Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diễm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Đàm Thuyên Nguyễn Hồng Diện

Hà Tuấn Vĩnh

